TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 107/2024/DS-ST
Ngày: 23/4/2024
V/ v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" và " Hợp đồng thế chấp tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO -TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Quốc Thuần.**

2/ Ông **Trần Văn Bé Ba.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Thành Khánh Duy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2023/TLST-DS ngày 30/11/2023 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" và " Hợp đồng thế chấp tài sản"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXX-ST ngày 27/3/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ngân hàng A

Trụ sở: Đường M, phường N, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông (bà) Nguyễn Đức Thạch A1- Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Song Hạ A2. CMND số: 311.643.215 cấp ngày 20/07/2012. tại Công an tỉnh Tiền Giang,

Chức vụ: Trưởng Phòng - PGD - X – Ngân Hàng A – Chi Nhánh Tiền Giang,

Đại diện Ngân hàng A theo giấy ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng A về việc ủy quyền ký tham gia tố tụng.

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

Uỷ quyền lại cho anh Lê Trọng A3 – Phó phòng giao dịch Chợ Gạo.

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện R, Tiền Giang.

*** Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị Ngọc B; sinh năm: 1965.

Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1969

Cùng địa chỉ: Ấp M3, xã N3, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Anh A3, ông C, bà B có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, Bản khai và tại phiên Tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A trình bày**:

Ông C và bà B có vay của Ngân hàng 02 khoản vay như sau:

1. Khoản vay sửa nhà: Theo hợp đồng tín dụng số 202126442952 ký ngày 25/11/2021 giữa Ngân Hàng TMCP A Chi Nhánh Tiền Giang - PGD X với bà B, ông C vay của Ngân hàng theo Giấy nhận nợ LD2133000096 ngày 26/11/2021 số tiền vay là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm. Phương thức trả nợ vốn trả góp hàng tháng, lãi trả hàng tháng; lãi trả theo dư nợ giảm dần.

2. Khoản vay mua sắm vật dụng gia đình: Theo hợp đồng tín dụng số 202327093422 ký ngày 11/05/2023 giữa Ngân Hàng A - Chi Nhánh Tiền Giang - PGD X với bà B và ông C có vay của Ngân hàng theo giấy nhận nợ LD2313200776 ngày 12/5/2023 số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm. Phương thức trả nợ: Vốn, lãi trả hàng tháng; lãi trả theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 26/11/2021, bà B, ông C đã thanh toán lãi theo Hợp đồng đến ngày 30/08/2023, kể từ đó đến nay, bà B, ông C ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo nhưng bà B, ông C vẫn không có thiện chí trả nợ.

Như vậy, đến hết ngày 09/11/2023, bà B, ông C đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn là 60.902.000 đồng, tiền lãi là 77.096.710 đồng. Số tiền còn lại bà B, ông C phải trả đến ngày hôm nay 23/4/2024 như sau:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 389.098.000 đồng

- Tiền lãi theo hợp đồng chưa thanh toán là: 40.305.903 đồng

- Tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 23/4/2024) là: 2.405.419 đồng

- Tiền lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 23/4/2024) là: 1.351.663 đồng đồng

Tổng công nợ còn phải trả tạm tính đến ngày 23/4/2024 của Hợp đồng tín dụng trên là 433.160.985 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu triệu một trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng)

3. Khoản cho vay thẻ tín dụng: Ngày 14/12/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc B có ký kết với Ngân hàng A Chi Nhánh Tiền Giang- PGD X Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của bà B, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà B thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày 09/11/2023, bà B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.000.000. đồng, tiền lãi là 35.421.518 đồng, tiền phí là 3.222.718 đồng, tính đến ngày

14/11/2023 bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 47.235.000. đồng (trong đó: tiền vốn là 13.295.006. đồng, tiền lãi và phí là 33.939.994 đồng), kể từ đó đến nay, bà B ngưng không thanh toán cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện nhưng bà B vẫn không có thiện chí trả nợ.

Đến ngày 23/4/2024, bà B còn nợ Ngân hàng A- CNTG các khoản sau: Dư nợ quá hạn: 58.330.000 đồng (gốc 49.639.497 đồng; lãi 8.690.503 đồng).

Để đảm bảo các khoản vay ông C và bà B có thế chấp các tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Thửa đất số: 53, tờ bản đồ số: 32 diện tích: 1.199,9 m^2 tại ấ[M3, xã N3, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Tài sản gắn liền với đất; Loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ Diện tích xây dựng: 118,3 m^2; Diện tích sàn : 118,3 m^2. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CX 172888, số vào sổ cấp giấy chứng nhận : CS30264 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/09/2020 cho ông Phạm Văn C.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phạm Văn C phải trả ngay cho Ngân Hàng A – Chi Nhánh Tiền Giang - PGD X với số tiền vốn lãi tạm tính đến ngày 23/4/2024 là 433.160.985 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu triệu một trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng).

+ Buộc Nguyễn Thị Ngọc B phải trả ngay cho Ngân Hàng A – Chi Nhánh Tiền Giang - PGD X khoản vay thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 23/4/2024 là 58.330.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

+ Buộc ông C, bà B phải hoàn trả chi phí tố tụng là 1.500.000 đồng.

Nếu bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Phạm Văn C chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của Hợp đồng tín dụng và khoản vay thẻ nêu trên cho đến khi trả hết nợ.

Nếu bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Phạm Văn C không thực hiện việc trả nợ, kính đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Chợ Gạo tuyên cho Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân Hàng để trả nợ.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phạm Văn C trình bày**: Ông bà thống nhất lời trình bày của Ngân hàng. Tính đến ngày 23/4/2024 ông bà còn nợ ngân hàng số 433.160.985 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu triệu một trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng) tiền vay và 58.330.000 đồng (Năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền thẻ tín dụng của bà B. Ông bà trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng trả số tiền trên cho Ngân hàng. Ông bà xin thời gian để bán đất trả nợ ngân hàng.

Tại phiên toà, ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B thống nhất lời trình bày của đại diện Ngân hàng, ông bà xin trả dần hàng tháng là 4.000.000 đồng. Nếu bán đất được sẽ thanh toán cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín và bà Nguyễn Thị Ngọc B, ông Phạm Văn C và lời trình bày của các đương sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bị đơn xin trả dần hàng tháng cho Ngân hàng 4.000.000 đồng không được Ngân hàng đồng ý, ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" và " Hợp đồng thế chấp tài sản" , thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, các đương sự có mặt, do đó Toà án xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

+ Khoản vay sửa nhà: Theo hợp đồng tín dụng số 202126442952 ký ngày 25/11/2021 giữa Ngân Hàng TMCP A Chi Nhánh Tiền Giang - PGD X với Bà Nguyễn Thị Ngọc B, Ông Phạm Văn C có vay của Ngân hàng theo Giấy nhận nợ LD2133000096 ngày 26/11/2021 số tiền vay là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm. Phương thức trả nợ vốn trả góp hàng tháng, lãi trả hàng tháng; lãi trả theo dư nợ giảm dần.

+ Khoản vay mua sắm vật dụng gia đình: Theo hợp đồng tín dụng số 202327093422 ký ngày 11/05/2023 giữa Ngân Hàng A - Chi Nhánh Tiền Giang - PGD X với bà B và ông C có vay của Ngân hàng theo giấy nhận nợ LD2313200776 ngày 12/5/2023 số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 năm. Phương thức trả nợ: Vốn, lãi trả hàng tháng; lãi trả theo dư nợ giảm dần.

Trong quá trình vay vốn từ ngày 26/11/2021, bà B, ông C đã thanh lãi theo Hợp đồng đến ngày 30/08/2023, kể từ đó đến nay, bà B, ông C ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo nhưng bà B, ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Tổng công nợ còn phải trả tạm tính đến ngày 23/4/2024 của Hợp đồng tín dụng trên là 433.160.985 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu triệu một trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng), cụ thể:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 389.098.000 đồng

- Tiền lãi theo hợp đồng chưa thanh toán là: 40.305.903 đồng

- Tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 23/4/2024) là: 2.405.419 đồng

- Tiền lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 23/4/2024) là: 1.351.663 đồng đồng

+ Khoản cho vay thẻ tín dụng: Ngày 14/12/2020 bà Nguyễn Thị Ngọc B có ký kết với Ngân hàng A Chi Nhánh Tiền Giang- PGD X; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của bà B, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000. đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Tính đến ngày 09/11/2023, bà B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.000.000. đồng, tiền lãi là 35.421.518 đồng, tiền phí là 3.222.718 đồng, tính đến ngày 14/11/2023 bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 47.235.000. đồng (trong đó: tiền vốn là 13.295.006. đồng, tiền lãi và phí là 33.939.994 đồng), kể từ đó đến nay, bà B ngưng không thanh toán cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở tạo điều kiện nhưng bà B vẫn không có thiện chí trả nợ.

Đến ngày 23/4/2024, bà B còn nợ Ngân hàng khoản vay thẻ tín dụng là 58.330.000 đồng (gốc 49.639.497 đồng; lãi 8.690.503 đồng).

Quá trình thực hiện thì ông C, bà B không thực hiện đúng hợp đồng đã giao kết nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, yêu cầu ông C và bà B liên đới trả số tiền vốn gốc 433.160.985 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu triệu một trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng); buộc bà B phải trả 58.330.000 đồng (gốc 49.639.497 đồng; lãi 8.690.503 đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp:

Xét thấy Hợp đồng thế chấp số 202126442952 ngày 25/11/2021 của Ngân hàng A - chi nhánh Tiền Giang được các bên thực hiện thủ tục thế chấp và thủ tục đăng ký việc thế chấp đúng theo qui định. Do đó Hợp đồng thế chấp này có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy trong trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông C và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ mà mà ông C và bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A phải trả lại cho người thế chấp các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.

Đối với lời trình bày của bà B, ông C về việc xin trả dần số nợ cho Ngân hàng, trả số tiền 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số nợ: xét yêu cầu trên không được đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A đồng ý. Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu của bà B, ông C không có cơ sở chấp nhận.

Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc Ngân hàng yêu cầu ông C và bà B có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 1.500.000 đồng là có cơ sở, bà B, ông C cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 288, Điều 317, khoản 1 Điều 319, khoản 6 Điều 320, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 299, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Nhận định ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 288, Điều 317, khoản 1 Điều 319, khoản 6 Điều 320, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 299, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/5/2013 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1. Buộc ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền vốn gốc, tiền lãi theo hợp đồng tạm tính đến ngày 23/4/2024 là 433.160.985 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu triệu một trăm sáu mươi ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B trả cho Ngân hàng A số tiền 58.330.000 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ mà ông C, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 202126442952 ngày 25/11/2021 của Ngân hàng A- chi nhánh Tiền Giang đúng qui định của pháp luật.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ mà mà ông C và bà B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A phải trả lại cho người thế chấp các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp.

3. Buộc ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 23.660.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm đồng). Tuy nhiên ông C, bà B có đơn xin miễn giảm án phí được Uỷ ban nhân dân xã N3 xác nhận, do đó ông bà phải chịu 11.830.000 đồng (mười một triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 11.661.000 đồng (mười một triệu sáu trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai số 0007055 ngày 29/11/2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TANDTTG.*
- *VKSNDHCG.*
- *Chi cục THADSHCG.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Ánh Hồng